

VỀ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CỦA XỨ LÀO THUỘC PHÁP

(1893 -1945)

Ths. Nghiêm Thị Hải Yến

Khoa Lịch Sử - Trường ĐHSPT Thái Nguyên

Còn hay không chủ nghĩa thực dân, đó là nhan đề của cuốn sách do nhà nghiên cứu Phan Lang viết và được nhà xuất bản Sự thật phát hành năm 1991. Những trăn trở của tác giả về sự biến thái của chủ nghĩa tư bản trong quá trình vận hành và phát triển khiến cho chúng ta suy ngẫm nhiều điều. *Còn hay không chủ nghĩa thực dân* còn chứng tỏ dấu ấn lịch sử của nó sâu đậm trong suy nghĩ của mỗi cá nhân và trong lịch sử của mỗi quốc gia đang phát triển. Không phải ngẫu nhiên nhan đề của cuốn sách lại được dùng làm lời tựa của bài viết này. Ở đây muốn nhấn mạnh rằng: Dấu quá khứ đã qua đi, nhưng bản chất và cách hành xử của chủ nghĩa thực dân đối với các nước bị xâm chiếm vẫn còn là vấn đề hấp dẫn và mới mẻ đối với các nhà nghiên cứu. Xứ Lào thuộc Pháp là một ví dụ điển hình.

1. Vài nét về lĩnh vực thuộc địa của Pháp

Thời kỳ thực dân là thời kỳ các nước tư bản chuyển mạnh sang giai đoạn đế quốc chủ

nghĩa. Các nước tư bản đầy mạnh xâm chiếm thuộc địa và nước Pháp cũng không kém phần trong cuộc chiến này. Nếu năm 1848 Pháp chỉ có 96.020 km² thì đến những năm cuối thế kỷ XIX diện tích thuộc địa của Pháp đã là 9.753.490 km² {2, tr 21}. Con số này đã đưa nước Pháp lên vị trí thứ hai trong cuộc chạy đua. Pháp vượt Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Đức, Mỹ, Hà Lan... và chỉ đứng sau nước Anh.

Thực tế, thời gian đầu việc xâm chiếm thuộc địa của Pháp, theo Anbe Xarô, chỉ được coi như “sự chơi ngông tốn kém của một nước lớn” và chỉ là “*sự phát triển vô công hiển hách của chúng ta, cho sự nghiệp của những người thích phiêu lưu mạo hiểm, cho những kinh nghiệm phong phú của tài khai hoá...*”. Người Pháp như bưng tỉnh sau bài diễn văn ngày 28/7/1885 của Thủ tướng Pháp Giuyn Phery. Họ thực sự ý thức được tầm quan trọng thuộc địa gắn liền với quyền lợi kinh tế và sức mạnh quân sự. “... *Xây*

dựng thuộc địa chính là tạo ra nguồn tiêu thụ hàng hoá... xâm chiếm thuộc địa cũng là để phục vụ cho hải quân của chúng ta... Thưa các ngài, trong một châu Âu, hay nói đúng hơn trong một thế giới như vậy, chính sách ngòai im không xâm lược chính là con đường suy tàn!” {6,tr13}. Bài diễn văn này được coi như “bản tuyên ngôn” đầu tiên của chủ nghĩa đế quốc được tuyên bố long trọng. Kể từ đó, Pháp đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa. Bên cạnh những địa bàn quen thuộc thì khu vực châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á được Pháp chú tâm nhiều.

2. Chiếm quyền sở hữu xứ Lào

Pháp có mặt ở châu Á từ rất sớm. Sau các cuộc phát kiến địa lý vĩ đại, các đoàn thương thuyền của các nước tư bản đã tới đây cùng với các giáo sĩ mang nhiều quốc tịch khác nhau trong đó có người Pháp. Tính đến thời điểm năm 1848, Pháp đã có 5 thương điểm ở Ấn Độ (Pôngsêdi, Yanaong, Mahê, Karican, Săngđecnago) và xây dựng mối quan hệ giao thương chặt chẽ với Việt Nam. Trong khí thế chạy đua xâm chiếm thuộc địa của các nước tư bản, những “vùng đất trống không có chủ” trên thế giới thu hẹp dần. Khu vực Đông Nam Á cũng ở trong tình trạng như vậy. Pháp thực sự lo lắng trước sức mạnh và ảnh hưởng của Anh, vì vậy năm 1858 Pháp chính thức dùng sức mạnh quân sự xâm chiếm Việt Nam đồng thời “vói tay” sang Campuchia và dòm ngó xứ Lào. Bằng chiến lược “tầm ăn lá dâu”, năm 1884 Pháp đã chiếm trọn Việt Nam và đạt được mục đích

là nước bảo hộ đối với Campuchia, gạt bỏ ảnh hưởng của Xiêm (Thái Lan) ở vùng đất này.

Khi nghiên cứu về chủ nghĩa thực dân, có một hiện tượng không thể bỏ qua đó là so sánh về phương thức tiến hành xâm lược của hai thực dân lớn là Anh và Pháp. Đề cập tới vấn đề này, các nhà nghiên cứu đã tìm ra những nét khác nhau thường được quy về kiểu Anh và kiểu Pháp. Họ cho rằng phương thức của Anh mang tính “bền vững và thiện chí” hơn: truyền đạo - kinh tế - xâm lược. Còn kiểu của Pháp mang tính “ăn cướp” và có sự tính toán kỹ lưỡng theo một kế hoạch đã được vạch sẵn. Xâm chiếm Lào là một minh chứng cụ thể.

Mặc dù đã có những bước thăm dò hình khu vực sông Mêkông, nhưng đến thời điểm năm 1885, phía Pháp vẫn cho rằng toàn bộ vùng lưu vực sông Mêkông là lãnh thổ của Xiêm. Do vậy, sau khi đã làm chủ Việt Nam, để phân định rõ ràng đường biên giới thuộc địa Việt với đất của Xiêm, theo yêu cầu của Pháp một uỷ ban xem xét biên giới Việt - Xiêm đã được thành lập. August Pavi (August Pavie) đã được chính phủ Pháp lựa chọn và giao nhiệm vụ tham gia vào uỷ ban này. Năm 1885, Pavi đến Luông Phạ Bang. Điều này thực sự làm Xiêm lo lắng vì quyền sở hữu của mình ở vùng đất này. Sự kiện giặc Hồ tấn công Luông Phạ Bang đã vô tình giúp Pháp biết sự thực về nguồn gốc của vùng đất. Người Pháp quyết tâm mở rộng cương giới thuộc địa của mình tới sông Mêkông. Pháp

thực hiện mọi phương cách: Chiếm lòng tin của triều đình Luông Phạ Bang; Thương lượng với Anh trên cơ sở “hợp tác” đôi bên cùng có lợi trong vấn đề thuộc địa; và Gây sức ép quân sự đối với Xiêm trên sông Paknam. Cuối cùng, do sức ép từ nhiều phía và ý thức rõ số phận của mình, Xiêm buộc phải từ bỏ vùng đất Lào ở tả ngạn sông Mékông qua ký kết Hiệp ước 3/10/1893 với Pháp. Pháp đã đạt được mục tiêu của mình. Tuy nhiên tham vọng của Pháp không chỉ dừng lại ở đó. Vấn đề “những người dân do Pháp bảo vệ” trong nội dung của Hiệp ước 1893 luôn là một cơ tốt để Pháp tiếp tục thực hiện ý định xâm lược Xiêm. Nhưng, Pháp buộc phải dừng chân vì những thoả thuận giữa Anh và Pháp về xây dựng khu vực đệm đó chính là nước Xiêm.

3. Quan điểm của Pháp về mặt pháp lý đối với xứ Lào

Lào là một xứ nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp và được hưởng quy chế bảo hộ. Điều đó dường như đã được xác định rõ ràng qua Sắc lệnh 1899. Vậy mà nó lại trở thành đề tài tranh luận không chỉ của các học giả nước ngoài mà ngay cả giới trí thức của Pháp cũng không thống nhất được quan điểm. Phương diện pháp lý của Lào được hưởng là bảo hộ hay thuộc địa? Ngài Laphôngten Đờgon (M.Lafontan de Goth), Chủ tịch danh dự toà thượng thẩm Đông Dương viết: “... Trong năm bộ phận lộng lẫy của chúng ta ở Đông Dương: Nam bộ, Trung bộ, Bắc bộ, Campuchia và Lào. Có một bộ

phận cuối cùng mà cái tên chỉ gọi lại những kiến thức lờ mờ và khó phân biệt không chỉ với người Pháp tầm trung (Français Moyen) mà cả trong giới trí thức...”{7,tr97}. Thời điểm ngài Laphôngten viết là năm 1928, tức là sau 35 năm vùng đất Lào đã thuộc Pháp.

Luật sư người Pháp, F. Iché đã làm rõ khái niệm về “thuộc địa” và “bảo hộ” theo luật pháp quốc tế. Cơ sở để phân biệt dựa trên phương diện quan hệ quốc gia và quyền lợi của người dân. Nhưng Lào thì khó phân biệt, vì thế nó trở thành tâm điểm của các cuộc tranh luận. Những người theo luận điểm Lào là nước được hưởng quy chế bảo hộ đã đưa ra 3 lý do:

Thứ nhất, Người Pháp đến Lào theo lời yêu cầu của hoàng gia Luông Phạ Bang. Họ cho rằng tộc người Lào thường thiếu khả năng quân sự. Trước sự uy hiếp của người Xiêm, hoàng gia Luông Phạ Bang đã “... gửi đến chúng tôi một lời kêu gọi vô vọng: Hãy gửi những đội quân Pháp đến đây, thị uy tàu chiến trước Băng Cốc...”{7, tr.103}. Theo đó, người Pháp đến Lào nhằm ngăn chặn thảm họa sắp xảy ra và sau Hiệp ước Pháp - Xiêm năm 1893 thì “... phần đất lãnh thổ Lào mà Xiêm phải từ bỏ, nay dưới sự bảo vệ của chúng ta”. Cách giải thích trên cho thấy họ né tránh sự thật và bao biện cho động cơ xâm lược thực dân của mình. Lý lẽ này cũng không đồng quan điểm với D.G.Hall (nhà sử học Anh).

Thứ hai, Trong quá trình Pháp có mặt ở Lào, việc giữ lại bộ máy hành chính địa

phương và cơ chế điều hành hoạt động đất nước trên cơ sở “hợp tác” giữa Pháp với triều đình phong kiến được coi là sự bảo hộ. Cuộc sống của người dân cũng không có sự thay đổi nhiều: “Họ lập lại cuộc sống bình thường khi chúng ta đến, trong sự đảm bảo an ninh của chúng ta, dưới sự kiểm tra của chúng ta, những tập quán truyền thống của họ tiếp tục được áp dụng và giữ vững như trước đây ở địa phương...”. Biểu hiện này, rất giống với định nghĩa về “bảo hộ” theo luật pháp quốc tế.

Căn cứ thứ ba mà những người theo trường phái này đưa ra là điều 1 của hiệp ước kí kết giữa Cộng hoà Pháp và vua Việt Nam ngày 6/6/1884. Theo tài liệu lưu trữ của triều đình Huế, các vương triều của Lào đều đặt dưới sự bảo hộ của Việt Nam và “Chúng ta chỉ sử dụng quyền lực mà chúng ta chiếm được từ chính quyền Trung bộ và bằng quyền lực này, nhân dân Lào được chúng ta chú ý dưới một chế độ bảo hộ, được xây dựng rất hợp thức” (7, tr.106)

Những người theo quan điểm bảo hộ khẳng định không có chứng cứ pháp lý nào quy định Lào là thuộc địa, vì tất cả những hiệp ước được ký kết đều không nói đến vấn đề này. Quan điểm bảo hộ còn được củng cố vững chắc hơn về mặt pháp lý thông qua nội dung của hai bức thư mà Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gửi cho vua Lào Sisavangvông ngày 29/2/1931 và thư phúc đáp của vua Lào ngày 25/2/1932. Hai bức thư này được coi là hợp

thức vì nó thoả ước quốc tế dưới dạng giản đơn.

Phần nhiều các ý kiến nghiêng về công nhận Lào là nước được bảo hộ. Nhưng, giữa lý thuyết và thực tế không có sự đồng nhất. Nghiên cứu sâu về vấn đề này thấy rằng: Lào đã chuyển đổi từ chế độ bảo hộ trên lý thuyết sang một chế độ thuộc địa cai trị trực tiếp với tất cả mục đích thực tế của nó. Các vùng lãnh thổ Lào trở thành một nước “bảo hộ tự trị” đặt dưới quyền của một viên thống xứ chịu trách nhiệm trước toàn quyền. Pháp luôn giương cao chiêu bài “tự do hoá sự cai trị với sự hợp tác của người bản xứ”, nhưng “một sự tự cai trị chưa bao giờ là mục tiêu trong chính sách của Pháp” (1, tr.1.084). Từ thực tế đó nên chăng trong bảo hộ chia thành hai kiểu: Bảo hộ theo luật pháp quốc tế và bảo hộ thực dân? Ý nghĩa bảo hộ mà Pháp đưa ra đối với xứ Lào rất mập mờ trong bức thư của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa: “... Chính phủ Pháp luôn cho rằng vương triều Luông Phạ Bang như một lãnh thổ đặt dưới sự bảo hộ của Pháp...”. Những ngôn từ đó cho ta cảm giác như là một mưu mẹo.

Tóm lại: Sự phân biệt rạch ròi về mặt thể chế pháp lý nước Lào là thuộc địa hay bảo hộ thực sự khó. Nếu nói là thuộc địa thì không có cơ sở về mặt pháp lý vì không có luật sáp nhập và người dân Lào cũng không được hưởng quyền công dân và mang quốc tịch Pháp theo đúng nghĩa như vùng Reuyniong (Réunion). Nếu xếp vào quy chế bảo hộ thì chính sách “hợp tác” với cả một mạng lưới

chỉ huy của người Pháp rộng khắp cả nước cho thấy về bản chất là hình thức cai trị trực tiếp, vua không có một quyền hành thực sự nào cả. Luận điệu cai trị gián tiếp chỉ là sự trá hình. Thực tế tại Lào cho thấy đây không phải là một chế độ bảo hộ theo đúng pháp lý quốc tế. Tình trạng pháp lý ở Lào làm người ta luôn lẫn lộn.

Bàn luận về tính chất pháp lý của xứ Lào luôn được coi là vấn đề tế nhị đối với giới quan chức chính trị Pháp. Họ cho rằng không cần có sự can thiệp của luật đối với vấn đề này và rằng: "*Không cần có ý kiến đưa ra cho vấn đề này bởi nó thuộc quyền của Bộ đã xây dựng nên các hình thức tổ chức... Chế độ cai trị của Pháp đủ mềm mỏng để có thể thích ứng với tình trạng đặc biệt này*". Đây là kết luận cuối cùng tại cuộc thảo luận Hội đồng Thuộc địa tối cao diễn ra ngày 5/6/1930. Như vậy, bảo hộ của Pháp đối xứ Lào là nền bảo hộ giả hiệu. Tình trạng pháp lý của Lào là một đặc điểm lý thú trong thời kỳ Đông Dương thuộc Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. D.G. E. HALL (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Dương Kinh Quốc (1988), *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách*

mạng tháng Tám, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Đỗ Văn Nhung (1975), *Bàn về một số đặc điểm của Lào dưới thời Pháp thuộc*, "Thông báo khoa học Lịch sử", trường Đại học Tổng Hợp Hà Nội, tr. 50-63.

4. Đỗ Thanh Bình - Trịnh Nam Giang (2004), *Chính sách thuộc địa của thực dân Anh và thực dân Pháp những nét khác biệt*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, Số 6 (60), tr.19-27.

5. Jacques Arnault (1958), *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Phần 1: *Những giai đoạn của cuộc xâm lược thực dân*, Paris. (Bản đánh máy, Thư viện ĐHSF Hà Nội).

6. Ray Mong Bac Bê (1963), *Đặc điểm của chủ nghĩa thực dân Pháp*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

7. F. Iché (1935) *Le statut politique et international du Laos Francais*. Sa condition juridique dans la communauté du droit des gens. Toulouse, Imp. Moderne-P. Rousseau de cie.

8. Gosselin Cap Charles (1900), *Le Laos et le protectorat Francaise*. Paris

9. *Le Laos A devant le parlement*. "Revue Indo- chinoise", 1907, 1er semestre, p332 - 339.